

Một số vấn đề về giáo dục trực tuyến

Hà Thị Thuý¹, Trần Thị Hiền Lương²,
Đào Văn Toàn³, Trần Thúy Nga⁴,
Nguyễn Thị Thanh⁵

¹ Email: thuyht@vnies.edu.vn

² Email: luongth@vnies.edu.vn

³ Email: toandv@vnies.edu.vn

⁴ Email: ngatt@vnies.edu.vn

⁵ Email: thanhnt@vnies.edu.vn

Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
52 Liễu Giai, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Giáo dục trực tuyến - cách tiếp cận học tập qua trung gian là cơ sở hạ tầng công nghệ - một xu thế tất yếu trong kỷ nguyên số hiện nay. Bài viết cung cấp tổng quan một số vấn đề cơ bản về hệ sinh thái giáo dục trực tuyến, trong đó có các nhóm thành phần chủ yếu là kho học liệu số, cơ sở hạ tầng công nghệ, đội ngũ triển khai và người học. Mối tương quan đa chiều của các yếu tố đó giúp cho hệ sinh thái giáo dục trực tuyến được duy trì và phát triển bền vững. Bên cạnh đó, bài viết cũng nêu lên thực trạng giáo dục trực tuyến cấp phổ thông ở Việt Nam trong những năm gần đây và bước đầu đề ra giải pháp để hoạt động giáo dục trực tuyến đạt hiệu quả cao hơn.

TỪ KHÓA: Giáo dục trực tuyến; hệ sinh thái giáo dục trực tuyến; thư viện học liệu số; cơ sở hạ tầng công nghệ.

→ Nhận bài 13/11/2020 → Nhận bài đã chỉnh sửa 21/11/2020 → Duyệt đăng 25/01/2021.

1. Đặt vấn đề

Giáo dục trực tuyến (GDTT) đã và đang là xu thế đào tạo mới với rất nhiều điểm ưu việt so với hình thức đào tạo truyền thống. E-learning là thuật ngữ xuất hiện lần đầu tiên vào tháng 10 năm 1999 trong Hội nghị quốc tế về CBT- Computer Based Training [1]. Những nghiên cứu về GDTT cho rằng, khái niệm E-learning là thuật ngữ được sử dụng để hình thành khái niệm về việc sử dụng các hệ thống máy tính để kích hoạt hoặc tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình học tập. Tuy nhiên, quá trình học tập này không đơn thuần là sự giao tiếp giữa người học và hệ thống máy tính có chứa nội dung học tập mà nó là sự tương tác đa chiều của rất nhiều thành tố cấu thành nên môi trường GDTT, gồm: Người học, người cung cấp nội dung, người điều hành, tài nguyên giáo dục (GD), hệ thống quản lý học tập, hệ thống truyền tải nội dung, ... Sự chuyển đổi kỹ thuật số của hệ thống GD ở tất cả các cấp đã cho phép kết hợp thành một hệ sinh thái (HST) dạy-học trong GD gọi là HST GDTT.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Đặc điểm của hệ sinh thái giáo dục trực tuyến

Theo nhà nghiên cứu J.A. Brodo [2], các thành phần trong HST GDTT được chia thành ba nhóm chính gồm: Các nhà cung cấp nội dung, nhà tư vấn và cơ sở hạ tầng. Tác giả D. Wilkinson [3] quan tâm nhiều hơn đến nội dung học tập, tiến trình học của người học và giải pháp công nghệ, bởi vậy các thành tố cấu thành nên HST GDTT được chi tiết hoá, bao gồm: Hệ thống quản lý học tập, hệ thống quản lý nội dung, thư viện học liệu số, dữ liệu học tập của người dùng, hình thức tổ chức lớp học,

công cụ thiết kế nội dung, cách thức truy cập nội dung của người dùng, vai trò của người cố vấn.

Một số nhà nghiên cứu khác như Jorge Reyna [4], Maneschijn [5], Trịnh Văn Biểu [6], Lê Huy Hoàng và Lê Xuân Quang [7],... đã gọi tên các yếu tố của HST GDTT và mô tả chúng như là một thành phần quan trọng trong hệ thống GDTT. Các yếu tố đó là nền tảng công nghệ, hạ tầng truyền thông và mạng, nội dung các khoá học, chương trình đào tạo, các phần mềm dạy học. Đi sâu hơn vấn đề nội dung trong GDTT, theo Thái Kim Phụng và Trương Việt Phương [8], cần xem xét mức độ ảnh hưởng của các yếu tố chất lượng thông tin đến kiến thức thu nhận của học sinh (HS), từ đó đề xuất một số giải pháp: Các trường học hoặc các tổ chức triển khai hệ thống E-learning cần chú trọng khâu xuất bản nội dung lên website GDTT cho người học sao cho dễ hiểu, hàm lượng vừa đủ (không thiếu cũng không thừa), đặc biệt là phải mang tính ứng dụng cao đối với từng môn học cụ thể; chú trọng tạo sự thuận lợi cho HS truy cập thông tin và lựa chọn những công cụ xuất bản thông tin phù hợp để HS dễ dàng theo dõi và tổng hợp cho việc học của mình; Phát triển các công cụ nhằm nâng cao sự tương tác giữa HS và giáo viên (GV); Thường xuyên cập nhật nội dung bài học, bài giảng, đồng thời cũng cần phải có cơ chế bảo mật thông tin phù hợp.

GDTT được xem như một phương thức GD thích hợp cho việc theo đuổi sự nghiệp học tập của cá nhân, phát triển kỹ năng chuyên nghiệp và thỏa mãn nhu cầu học tập. Yếu tố lợi thế của GDTT là giảm thiểu các rào cản về thời gian, địa điểm, tuổi tác, điều kiện kinh tế và trình độ đầu vào. Do đó, GDTT có tiềm năng cách mạng hóa cách

thức chúng ta dạy và học, tạo điều kiện và hỗ trợ học tập thông qua sử dụng công nghệ thông tin và truyền thông.

HST GDTT đang cố gắng tận dụng mô hình Internet để tạo ra mô hình GD mới, tạo cơ hội thuận lợi cho HS tự học. HST GDTT có nhiều nhóm thành phần, sự tương tác giữa các nhóm thành phần trong HST GDTT bảo đảm duy trì việc cung cấp cho người học nội dung, công cụ và môi trường xung quanh cần thiết, giúp họ đạt mục tiêu học tập của bản thân. Trong bài viết này, chúng tôi kế thừa một số kết quả nghiên cứu đã có trước đây, kết hợp với nghiên cứu thực tiễn để tập trung mô tả vị trí của 4 nhóm thành phần và tương tác của các thành phần đó trong HST GDTT, nâng cao hiệu quả của GDTT. Các thành phần của HST GDTT được thể hiện trong sơ đồ dưới đây (xem Hình 1).

Theo Hình 1, HST GDTT gồm 4 nhóm chính là người học, đội ngũ triển khai, cơ sở hạ tầng công nghệ và thư viện học liệu số.

- **Thư viện học liệu số** là kho tư liệu cung cấp nội dung cho các giải pháp học tập thường được liên kết với phát triển năng lực, phát triển cá nhân hoặc một vấn đề GD. Nội dung học tập có thể được cung cấp thông qua các hình thức triển khai khác nhau, chẳng hạn như dạy học trực tuyến hỗ trợ dạy học trực tiếp, dạy học trực tuyến thay thế một phần dạy học trực tiếp và dạy học trực tuyến thay thế hoàn toàn dạy học trực tiếp. Kho tư liệu có thể được thiết kế thành các khoá học, công cụ kiểm tra đánh giá, học liệu phụ trợ định dạng thành bài giảng, văn bản, sách, phim thực tế ảo, phim khoa học, phim hoạt hình, thí nghiệm, trò chơi và được xây dựng bởi đội ngũ GV, nhân viên công nghệ, chuyên gia tư vấn về GD.

- **Cơ sở hạ tầng công nghệ** là tập hợp phần cứng và phần mềm để tạo nên một hệ thống để quản lý, phân phối và theo dõi việc học trực tuyến. Cụ thể, hệ thống quản lý nội dung học tập (learning content management system

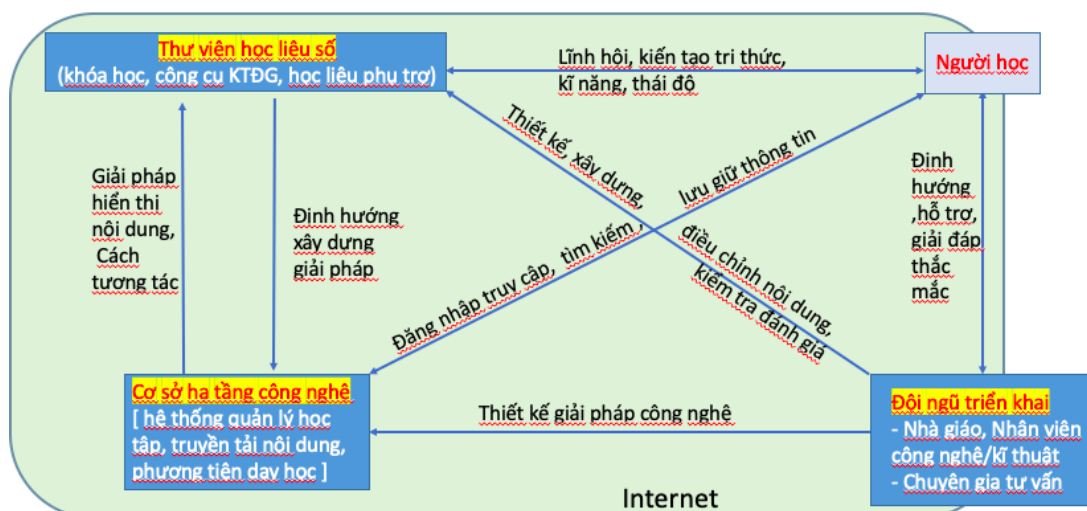
- LCMS) là phần mềm quản lý quá trình đào tạo và phát triển truy cập trực tuyến, tức thời hiệu quả trong suốt quá trình đào tạo giúp cho tổ chức trường học lưu trữ, thống kê, báo cáo, phân loại định hướng và phân hoá hoạt động học tập của từng HS. Đồng thời, LCMS cũng quản lý kho học liệu, lưu trữ dữ liệu của người dùng, xây dựng cơ hội tương tác, thiết kế các khoá học chủ động. Một LCMS khi được thiết kế tốt có khả năng quản lý tất cả các hình thức học tập, bao gồm cả học tập trực tuyến do GV hướng dẫn, thay thế một phần hoặc thay thế hoàn toàn dạy học trực tiếp. Hệ thống truyền tải nội dung (content delivery system - CDS) là phần mềm trực tuyến cho phép truyền tải nội dung đến người học thông qua Internet. Có hai giải pháp cho quá trình truyền tải này, đó là:

Giao tiếp đồng bộ (Synchronous), cho phép nhiều người truy cập tại cùng một thời điểm và trao đổi trực tiếp với nhau.

Giao tiếp không đồng bộ (Asynchronous), cho phép nhiều người truy cập không nhất thiết phải truy cập tại cùng một thời điểm, người học được tự chọn thời gian tham gia khoá học.

Hệ thống phân phối nội dung cho phép cung cấp nhiều tính năng tương tác, tận dụng toàn bộ sức mạnh của Internet, chẳng hạn như trò chuyện, tư vấn đồng nghiệp, cộng đồng, huấn luyện và chia sẻ tài liệu. Phương tiện dạy và học là công cụ chuyên đổi, hiện thị tri thức để người học đạt được mục tiêu học tập. Công cụ đó có thể là máy tính, tablet, smart phone, máy chiếu,... và phần mềm thiết kế nội dung như: Powtoon, flash, Moviemaker,...

- **Đội ngũ triển khai**, gồm những người tham gia số hoá bài giảng, bao gồm GV thiết kế, GV dẫn giảng. Công việc của hai nhóm GV này là khác nhau nhưng đôi khi một GV có thể đảm bảo vừa là người thiết kế vừa là người dẫn giảng. Công việc của GV thiết kế thường là biên soạn tài liệu trước khi số hoá (slide thô, kịch bản -



Hình 1: Sơ đồ HST GDTT

giáo án, tài liệu liên quan), yêu cầu số hoá sơ bộ, phối hợp cùng với nhân sự công nghệ để thống nhất đưa ra kịch bản cuối cùng về bài giảng số hoá và duyệt các bài giảng đã được số hoá. GV dẫn giảng diễn hoạt nội dung mà GV thiết kế đã làm, đồng thời có thể tham gia trực tiếp cùng HS trong suốt thời gian khóa học diễn ra. Nhân viên công nghệ phối hợp cùng GV để biên tập kịch bản số hóa bài giảng. Bài giảng E-learning được đề xuất và sản xuất ở các định dạng khác nhau, tùy thuộc vào nội dung như: Quay hình giảng viên có minh họa, quay hình hiện trường, thiết kế phim hoạt hình, ảnh động, thí nghiệm ảo hoặc chỉ thu âm GV. Những người đảm nhiệm công việc này phải thiết kế đồ họa, quay dựng phim, thiết kế slide, thiết kế phim hoạt hình, biên tập nội dung. Các nhân viên vận hành kĩ thuật thực hiện quản trị cấu hình hệ thống, quản lí người dùng và phân quyền. Nhóm nhân sự công nghệ và kĩ thuật sẽ tham gia đề xuất thiết kế, điều chỉnh các giải pháp công nghệ để góp phần triển khai thuận lợi và nâng cấp cơ sở hạ tầng. Đội ngũ tư vấn thường là các chuyên gia có kinh nghiệm nhằm tham vấn cho tổ chức/trường học thực hiện hoạt động GD online về chiến lược, vận hành, giải pháp công nghệ, chính sách, chương trình và phương pháp giảng dạy đảm bảo cho hoạt động E-learning diễn ra suôn sẻ và hiệu quả.

- **Người học** là những người được cấp quyền tương tác trực tiếp với thư viện học liệu số, tùy thuộc vào cách thiết kế công giao diện giữa người dùng và hệ thống học tập trực tuyến mà người dùng có thể đăng nhập, tìm kiếm trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua hệ thống quản lí học tập. Chương trình giảng dạy được thiết kế xoay quanh việc học tập độc lập theo đối tượng người dùng nên HS cần chủ động tự học, sàng lọc và xử lí thông tin để kiến tạo tri thức và kĩ năng cho riêng mình. Tuy nhiên, trong quá trình học tập, người học sẽ được hỗ trợ, định hướng và giải đáp thắc mắc từ đội ngũ triển khai.

2.2. Thực trạng giáo dục trực tuyến ở Việt Nam

2.2.1. Phương thức học tập trực tuyến

Phương thức học trực tuyến đối với GD phổ thông ở Việt Nam rất đa dạng. Qua nghiên cứu tài liệu, các báo cáo đánh giá về GD của các tỉnh thành, khảo sát thực trạng qua phiếu hỏi, căn cứ vào hoạt động học tập của HS, nhóm tác giả đã xác định có ba phương thức học tập trực tuyến đó là: HS tự học trực tuyến hoàn toàn, HS học trực tuyến có tổ chức, HS học trực tuyến kết hợp với học trực tiếp. Mỗi phương thức có những đặc điểm điển hình sau:

HS tự học trực tuyến hoàn toàn: HS chủ động học trên học liệu có sẵn, cách học và thời gian học tự do. Nội dung học là kiến thức các môn học trong chương trình phổ thông, luyện thi đại học, luyện tiếng Anh, kĩ năng IT và kĩ năng mềm được các công ti GD đầu tư sản xuất từ những năm 2000 cho đến nay. HS có thể dễ dàng truy

cập Website để học như: E-learning.com.vn, cleverlear.com, saigonctt.com, trường thi.com, khoa bang.com.vn, Violet.vn, Hocmai.vn, Topica, Onluyen.vn, Speakup.vn, tuyên sinh247.vn, Viettelstudy.vn, vioedu.vn, OLM.vn... Năm 2019, xuất hiện một ứng dụng học tập Kiến guru (app Kiến guru) cung cấp hệ thống bài giảng và câu hỏi đánh giá bài học, bài kiểm tra đánh giá hoàn chỉnh cho các môn học từ lớp 1 đến lớp 12 và có tổ chức thi online và phản hồi kết quả thi ngay trên app. Với phương thức học tập này, HS hoàn toàn tự chủ nhưng phải trả một khoản kinh phí nhất định và không được cấp bằng hoặc chứng chỉ.

HS học trực tuyến có tổ chức: Đây là phương thức học không giáp mặt hoàn toàn nhưng có GV hướng dẫn, hỗ trợ, có khung kế hoạch GD xác định. Cách học này được thực hiện nhiều nhất trong khoảng thời gian HS nghỉ học do dịch Covid-19. Tất cả các trường học đều xây dựng kế hoạch học tập, xây dựng nội dung học tập trực tuyến, triển khai kế hoạch học tập dựa trên chương trình môn học của Bộ GD. Tuy nhiên, hình thức triển khai có thể khác nhau:

- HS được học tập và được quản lí dựa trên phần mềm đã thiết kế: Công ti GD kết hợp với từng trường học cùng xây dựng kế hoạch, phương thức học tập, quản lí HS và phát triển nội dung như một số trường ở Hà Nam, Thái Bình, Nam Định, Hưng Yên, Hà Nam, Đà Nẵng... Trong thời điểm dịch bệnh Covid-19, các trường ở tỉnh Hà Nam đã phối hợp với nhà cung cấp online, OLM (Đại học Sư phạm), VNPT Hà Nam, Viettel Hà Nam, Bigben. Các trường thuộc tỉnh Hưng Yên kết hợp với Congdong.edu.vn, schoolbus.vn, Trans, Shub. Các trường của Nam Định đã phối hợp với nhà cung cấp Viettel Nam Định, OLM, Viettelstudy, VNPT E-learning. Ở Thái Bình, các nhà trường phối hợp với Công ti AIC triển khai thí điểm dạy học trực tuyến tại 3 trường: Trường Trung học phổ thông Chuyên Thái Bình, Trường Trung học cơ sở Tây Sơn, Trường Tiểu học Kỳ Bá. Thái Bình xây dựng website dayhocstructuyen.thaibinh.gov.vn nhằm hỗ trợ phần mềm dạy học, học liệu và hỗ trợ tập huấn cho cán bộ quản lí, GV sử dụng tính năng của phần mềm. Tuy nhiên, thực tiễn triển khai thì còn có nhiều bất cập.

- HS học trên truyền hình: HS học theo các chương trình dạy học trên truyền hình phát sóng trên một số kênh và theo một số khung giờ nhất định. Có thể coi đây cũng là một hình thức học trực tuyến. Người học lĩnh hội nội dung tri thức qua truyền hình. Hầu hết GV dạy theo cách dạy truyền thống là thuyết giảng, không có sự tương tác với HS. Theo báo cáo đánh giá tác động của dịch bệnh Covid 19 đối với lĩnh vực GD và đào tạo tháng 4 năm 2020, tất cả các tỉnh thành của Việt Nam đều thực hiện học qua truyền hình. Hầu hết các trường phổ thông hướng dẫn HS học qua truyền hình địa phương. Một số tỉnh chưa chuẩn bị được hoạt động GD qua truyền hình địa phương thì học qua VTV7, VTC như Tây Ninh,

Quảng Ninh...

- HS được học từ chính GV của mình qua hệ thống mạng Internet: Đây cũng là một cách học trực tuyến phổ biến trong thời gian gần đây. Phần mềm được GV sử dụng để giảng dạy phổ biến là Zoom, Team 365, Google meet. Một số bài giảng sử dụng trực tiếp trên youtube hoặc các trang Web GD online. Theo hình thức dạy học này, phương pháp dạy học chủ yếu của GV cũng là thuyết giảng.

Trên đây là một số hình thức HS tiếp cận với bài giảng của GV nhưng đều có đặc điểm chung là HS được GV giao bài và được quản lý một phần hoạt động học tập qua zalo, facebook, viber, skype, email. Từ thực tiễn học tập trên, có thể nhận thấy còn thiếu một số yếu tố đảm bảo duy trì sự tồn tại và phát triển bền vững HST GD. Nhưng cũng cần phải ghi nhận đã có sự nỗ lực vận động tương tác của một số thành tố cốt lõi trong HST đó như bài giảng của GV đã đến được với HS qua phương tiện điện tử, HS cũng nhận được phản hồi và nhận xét của GV (có thể chưa qua phần mềm hệ thống quản lý học tập mà trực tiếp qua Zalo, viber, email...). Cách làm này phần nào đó đã khẳng định kết quả học tập của HS từ xa, tuy chưa lưu lại được hoạt động của người học bằng các phần mềm công nghệ để giảm công sức làm thủ công cho GV. Mặc dù có được một số kết quả đáng ghi nhận nhưng cách làm hiện nay chưa thực sự quản lý được chất lượng học tập và hoạt động học trực tuyến có tổ chức đang có xu hướng dừng lại.

Học trực tuyến kết hợp với học trực tiếp: Đây là phương thức HS tham gia hoạt động GD trực tiếp ở trường, lớp để lĩnh hội kiến thức cơ bản và kỹ năng môn học, một số nội dung học tập khác được thực hiện qua Internet. Để thực hiện điều này một cách có hệ thống, một số trường đã chủ động xây dựng hệ thống phần mềm quản lý học tập (LMS) hoặc sử dụng công cụ do các công ti cung cấp như Trường Nguyễn Tất Thành, Vinschool, Olympia, Phan Huy Chú... Tuy nhiên, phương thức này chưa được áp dụng nhiều ở các trường công lập.

2.2.2. Thực trạng cơ sở hạ tầng công nghệ và thư viện học liệu số

Qua khảo sát, có thể rút ra một số nhận định về thực trạng của cơ sở hạ tầng công nghệ và thư viện học liệu số như sau:

- Về cơ sở hạ tầng công nghệ, qua khảo sát: Các trường được khảo sát đều có phòng máy tính, phòng máy chủ dùng để yếu phục vụ dạy học môn Tin học, GV hầu hết đều có máy tính cá nhân (laptop), trường học có mạng Internet, nhà trường thường sử dụng 1 trong các phần mềm quản lý học tập (LMS) là Google Classroom, VnEdu (VNPT), eNetViet, shub Classroom, SchoolOnline, Moodle, Canvas, Microsoft 365 trong đó Microsoft 365 và Google Classroom là phổ biến. Những phần mềm này có đến 60% là do GV tự lựa chọn cho hoạt động GD của mình, 40% là do trường chỉ định. GV thường sử dụng

LMS với mục đích điểm danh HS, quản lý lịch và thời khoá biểu, tổ chức lớp học trực tuyến, công cụ trao đổi giữa GV và HS, tạo học liệu, chọn học liệu sẵn có, tạo và giao bài kiểm tra online, chấm điểm tự động, báo cáo bảng điểm của HS, thông báo liên lạc giữa nhà trường và phụ huynh, tạo quản lý thời khoá biểu, lịch dạy và học. Qua khảo sát, tỉ lệ GV có những mong muốn về tính năng trong LMS được phát triển và hoàn thiện như sau (xem Bảng 1):

Bảng 1: Tỉ lệ GV có mong muốn về tính năng trong LMS

STT	Tính năng	Tỉ lệ mong muốn
1	Chấm điểm tự động trên thang điểm 10	40,66%
2	Quản lý ma trận điểm của một bài kiểm tra	39,56%
3	Báo cáo tự động lên sổ điểm theo mẫu của Sở GD&ĐT/Bộ GD&ĐT	37,36
4	Thư viện điện tử (bài giảng, tài liệu)	57,14%
5	Điểm danh	40,66%
6	Dạy học trực tuyến	51,66%
7	Lưu lại các bài học trực tuyến	42,86%
8	HS xem lại được cái bài học	56,04%
9	Nhận xét và thảo luận dưới các tài liệu học tập	40,66%
10	Quản lý thời gian học của HS	46,15%
11	Phân công nhiệm vụ học tập cho HS	51,66%

Trên thực tế, số lượng HS có máy tính, smartphone giảm dần từ vùng thành thị đến nông thôn. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình truyền tải nội dung trong quá trình GDĐT.

- Về thư viện học liệu số, qua khảo sát, hầu hết các bài giảng mà GV dạy học trực tuyến đều do GV tự biên soạn để đáp ứng yêu cầu dạy học trực tuyến, chưa có sự đầu tư bài bản về cách làm và chi phí vật chất. Một số bài giảng sử dụng trực tiếp trên youtube hoặc tham khảo các trang Web GD online. Một số công ty GD đã xây dựng kho học liệu số sẵn sàng phục vụ nhu cầu đa dạng của HS nhưng được thương mại hoá như Vioedu, Kiểnguru, Viettelstudy,... Mong muốn của GV là có thư viện điện tử (kho học liệu) được tích hợp trong LMS với mục đích chủ yếu là làm nguồn tham khảo cho các bài giảng (89,74%), nguồn tư liệu cung cấp thêm cho HS (76,92%), đổi mới cách dạy học (66,67%), cho HS xem bài trước, lên lớp thảo luận, nâng cao, cá nhân hoá hoạt động học tập.

Hoạt động dạy học trực tuyến được khuyến khích sử dụng trong GD phổ thông tại thời điểm dịch Covid -19 bùng phát lần thứ nhất (tháng 4 năm 2020). Trong bối cảnh đó, nhiều trường học ở Việt Nam chưa sẵn sàng

điều kiện thực hiện GDDT (từ cơ sở hạ tầng cho đến nhân lực), nhưng bằng sự cố gắng của mỗi GV, của các nhà quản lí, các sở ban ngành, HS đã được lĩnh hội tri thức theo chương trình từ chính thầy giáo, cô giáo của mình qua hệ thống mạng Internet, qua truyền hình,...

3. Kết luận và khuyến nghị

3.1. Kết luận

Nhìn lại quá trình triển khai dạy học trực tuyến trong thời gian qua, có thể thấy nhiều yếu tố của dạy học trực tuyến như tạo tài nguyên, trình bày nội dung, tổ chức giảng dạy, kiểm soát nhịp độ, phản hồi tương tác, hệ thống quản lí nội dung học tập còn bộc lộ nhiều hạn chế. Có thể kể đến những hạn chế cơ bản như sau:

- Hiểu chưa đúng về bản chất của dạy học trực tuyến. Việc dạy học trực tuyến chủ yếu hướng vào thực hiện chức năng cốt lõi là giúp GV “dạy”, chưa hướng đến giúp người học “học”. Một số nơi quan niệm dạy học trực tuyến như giải pháp thay cho dạy học trực tiếp. Qua kết nối trực tuyến, các hoạt động dạy học được thực hiện giống như GV giảng bài trực tiếp (kể cả các bài học âm nhạc, thể dục, hay chào cờ,...). Việc dạy học trực tuyến theo cách trực tuyến hóa các lớp học ngoại tuyến như vậy là vi phạm nguyên tắc lấy người học làm trung tâm của GDDT và làm mất đi các đặc tính về quyền tự chủ của người dùng trong không gian mạng.

- Nội dung các bài học trực tuyến phần nhiều mới chỉ là tổng kết, chất lọc các trọng tâm kiến thức, quy tắc, chưa phát huy được điểm mạnh nổi bật của dạy học trực tuyến là nguồn nội dung phong phú, có chọn lọc, được thiết kế bởi quy trình công nghệ để người học có thể lựa chọn theo nhu cầu học tập của bản thân. Nếu nội dung dạy học trực tuyến chỉ là các nội dung chuyển đổi từ dạy học ngoại tuyến, việc học trực tuyến sẽ trở nên nhàm chán, không có sức sống, HS đương nhiên không muốn sử dụng chúng.

- Quy trình dạy học trực tuyến học chưa phù hợp. Quy trình dạy học trực tuyến hiện nay vẫn là phương pháp dạy học của lớp học ngoại tuyến. Các bài học được thiết kế giống như giáo án của lớp học ngoại tuyến, thường sẽ gồm: Bài giảng, bài tập về nhà và trả lời câu hỏi sau tiết học. Trong các buổi dạy học trực tuyến, GV chưa tập trung vào việc khai thác dữ liệu, chưa nghiên cứu điều kiện học tập, chưa đề xuất các nguồn học liệu và dẫn dắt các cuộc thảo luận của HS.

- Các công cụ nền tảng GDDT còn nhiều hạn chế, chẳng hạn có nhiều công cụ hỗ trợ GV giảng dạy nhưng có ít công cụ hỗ trợ HS tự học; có nhiều công cụ hỗ trợ tái tạo lớp học ngoại tuyến, hỗ trợ trước khi đến lớp, trong

và sau giờ học nhưng có ít công cụ để liên kết; có nhiều công cụ hỗ trợ luyện trí nhớ lặp đi lặp lại nhưng ít công cụ hỗ trợ làm việc nhóm và học tập tương tác; nhiều công cụ hỗ trợ truyền tải kiến thức tĩnh và ít công cụ hỗ trợ trình bày đa chiều kết quả học tập; nhiều công cụ hỗ trợ GV trình chiếu bài giảng nhưng có rất ít công cụ để hỗ trợ nghiên cứu sâu học thuật. Sự phát triển của các công cụ dạy học trực tuyến vẫn đang ở giai đoạn ban đầu và chưa thể hỗ trợ các hoạt động giảng dạy chuyên nghiệp hơn như mô hình hóa kiến thức, nghiên cứu học thuật, phản hồi nhanh, đánh giá toàn diện, phân tích chuyên sâu và phát triển mô hình và rất khó để trao quyền hiệu quả.

Hiện nay, bắt đầu có nhiều tổ chức/công ty GD đang tập trung nghiên cứu và đã xây dựng được các website, app, trong đó lưu trữ kho bài giảng dựng sẵn, học liệu phong phú cũng như các giải pháp công nghệ hợp lí cho hoạt động tương tác giữa GV và HS, giữa HS với HS, giữa HS và kho học liệu..., từng bước đáp ứng nhu cầu của người dùng và tổ chức sử dụng. Hi vọng điều này sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động GD E-learning.

3.2. Khuyến nghị

Để việc GDDT phát triển và phát huy hiệu quả, các ban ngành và các nhà trường dạy học trực tuyến cần phối hợp để chuẩn bị tốt các vấn đề sau đây:

- Kho học liệu (bài giảng, học liệu bổ trợ, kiểm tra đánh giá) được xây dựng cân trọng và có giá trị hướng đến phát triển năng lực và cá nhân hoá người học. Liên quan đến việc HS tự chủ là yêu cầu thiết yếu của giảng dạy trực tuyến, mỗi yếu tố của chương trình giảng dạy phải luôn được thiết kế xoay quanh việc hỗ trợ HS tự chủ học tập, xây dựng các chỉ số hành động cho GV và HS trong dạy học trực tuyến.

- Cơ sở hạ tầng công nghệ cần được đầu tư về kinh phí và có các giải pháp tương tác phù hợp giữa người học và các yếu tố còn lại trong HST GDDT. Ngoài các thiết bị là công cụ để nhận thông tin và truy cập nội dung thì cần xây dựng hệ thống quản lí học tập trong đó có lưu trữ dữ liệu học tập của người dùng.

- Tập trung và đầu tư nguồn lực để thiết kế các giải pháp công nghệ, thiết kế, xây dựng điều chỉnh nội dung, kiểm tra đánh giá để nâng cấp dần dần cơ sở hạ tầng, hoàn thiện kho học liệu số đáp ứng nhu cầu tự học và học tập độc lập của HS.

- Xây dựng cơ chế chính sách mở để nhà trường có thể chủ động phối hợp đặt hàng với các tổ chức GD uy tín để thiết lập nên mô hình GDDT phù hợp với từng trường học.

Tài liệu tham khảo

[1] Aparicio, M - Bacao, F - Oliveira, T., (2016), *An E-learning Theoretical Framework*, J. Educ. Technol. Soc, 19, 292–307,

[2] Brodo, J. A, (2006), *Today's Ecosystem of E-learning*, Trainer Talk, Professional Society for Sales & Marketing Training, Vol. 3, No 4.

- [3] Wilkinson, D, (2002), *The Intersection of Learning Architecture and Instructional Design in E-learning*, 2002 ECI Conference on e-Technologies in Engineering Education: Learning Outcomes Providing Future Possibilities, pp. 213-221.
- [4] Theo Jorge Reyna, (12/2011), *Digital Teaching and Learning Ecosystem (DTLE): A Theoretical Approach for Online Learning Environments*, Ascitile 2011 - Changing demant changing directions, Wrest Point/Hobart Tasmania Australia/ 4-7.
- [5] Maneschijn, M.M, (June 2005), *The E-learning dome: a comprehensive E-learning environment development model*. unpublished master thesis, University of South Africa.
- [6] Trịnh Văn Biều, (2012), *Một số vấn đề về đào tạo trực tuyến E-learning*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Sư phạm Thành phố Hồ Chí Minh, số 40, tr.86-90.
- [7] Lê Huy Hoàng - Lê Xuân Quang, (2011), *E-learning và ứng dụng trong dạy và học*, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội.
- [8] Thái Kim Phụng - Trương Việt Phương, (2016), *Ảnh hưởng của chất lượng thông tin đến kiến thức thu nhận của sinh viên qua hệ thống E-learning*, Tạp chí Khoa học, Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh, Số 2 (47), tr.90-101.

SOME ISSUES ON E-LEARNING IMPLEMENTATION IN VIETNAM

**Ha Thi Thuy¹, Tran Thi Hien Luong²,
Dao Van Toan³, Tran Thuy Nga⁴,
Nguyen Thi Thanh⁵**

¹ Email: thuyht@vnies.edu.vn

² Email: luongth@vnies.edu.vn

³ Email: toandv@vnies.edu.vn

⁴ Email: ngatt@vnies.edu.vn

⁵ Email: thanhnt@vnies.edu.vn

The Vietnam National Institute of Educational Sciences
101 Tran Hung Dao, Hoan Kiem, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *A model of E-learning, a learning approach mediated by technology infrastructure, is an inevitable trend in this digital era. This article provides an overview of certain basic issues in E-learning ecosystem, including key components as digital elearning respository, technology infrastructure, facilitator staff and learners. The multidimensional correlation of these factors helps to maintain and sustainably develop the E-learning ecosystem. In addition, the article examines the current status of E-learning at school level in Vietnam in recent years, then proposes a solution for effective E-learning implementations.*

KEYWORDS: **E-learning; E-learning ecosystem; digital learning library; technology infrastructure.**